

CÔNG TY XĂNG DẦU B12
CHI NHÁNH XĂNG DẦU HƯNG YÊN

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của dự án đầu tư: Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Hưng Yên, tháng 08 năm 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	5
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ.....	6
1. Danh mục bảng	6
2. Danh mục hình.....	6
Chương I	7
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	7
1. Tên chủ dự án đầu tư: Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên.....	7
2. Tên dự án đầu tư: Cửa hàng xăng dầu số 94 Trưng Trắc.	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:.....	7
3.1. Công suất của dự án đầu tư:	7
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:.....	7
3.3. Sản phẩm của Cửa hàng xăng dầu số 94 Trưng Trắc:.....	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:.....	10
4.1. Nguyên liệu:	10
4.2. Nhiên liệu:	10
4.3. Vật liệu:	10
4.5. Phế liệu:.....	10
4.6. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước:.....	10
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:	10
5.1. Quá trình tổ chức kinh doanh trước đây:	10
5.2. Kết quả kinh doanh trong những năm gần đây:	11
5.3. Sự cần thiết và quy mô cải tạo Cửa hàng xăng dầu số 94 Trưng Trắc:.....	11
5.4. Các giấy tờ pháp lý của dự án:	12
Chương II	13
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,.....	13
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	13
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:.....	13
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:.....	13
Chương III.....	14
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	14
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:	14
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	14
3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:	14
Chương IV.....	19



ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ.....	19
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	19
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:.....	19
1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:	19
1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:	20
1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	20
1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	21
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành	21
2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:	21
2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	25
2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):.....	26
2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường:	29
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:.....	30
2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi:.....	32
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	32
3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.	32
3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.	34
3.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác:.....	34
3.4. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường: 34	
3.5. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường:	34
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:....	34
Chương V	35
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	35
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	35
1.1. Nguồn phát sinh nước thải:	35
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:	35
1.3. Dòng nước thải:	35
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:..	35
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:	36
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	37
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	37
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn:.....	37
4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:	37



4.2. Công tác bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:	37
Chương VI.....	40
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH.....	40
XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC	40
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	40
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư: 40	
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	40
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:	40
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:.....	40
Chương VIII.....	41
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	41
1. Cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong giai đoạn xây dựng dự án.....	41
2. Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện trong giai đoạn hoạt động của dự án	41
PHỤ LỤC BÁO CÁO	42



DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
DO	Dầu diesel
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QL	Quốc lộ
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn



DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

1. Danh mục bảng

- Bảng 1. Kết quả quan trắc không khí vị trí K1 năm 2019
- Bảng 2. Kết quả quan trắc không khí vị trí K2 năm 2019
- Bảng 3. Kết quả quan trắc nước thải năm 2019
- Bảng 4. Kết quả quan trắc không khí vị trí K1 năm 2020
- Bảng 5. Kết quả quan trắc không khí vị trí K2 năm 2020
- Bảng 6. Kết quả quan trắc nước thải năm 2020
- Bảng 7. Kết quả quan trắc không khí vị trí K1 năm 2021
- Bảng 8. Kết quả quan trắc không khí vị trí K2 năm 2021
- Bảng 9. Kết quả quan trắc nước thải năm 2021
- Bảng 10. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải 2 m³/ngày đêm
- Bảng 11. Chất thải nguy hại
- Bảng 12. Công trình, dụng cụ lưu chứa chất thải nguy hại
- Bảng 13. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường
- Bảng 14. Tính toán C_{max}
- Bảng 15. Giá trị các thông số nước thải

2. Danh mục hình

- Hình 1. Sơ đồ công nghệ
- Hình 2. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt
- Hình 3. Bể lắng gạn
- Hình 4. Sơ đồ công nghệ nhập xăng dầu từ ô tô xi-téc vào bể chứa ngầm
- Hình 5. Lưu giữ chất thải nguy hại



Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư: Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên.

- Địa chỉ văn phòng: Số 689 Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Trần Tấn Đại - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên.

- Điện thoại: 0221 3863129; Fax: 0221 3863776.

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh, đăng ký thay đổi lần thứ tư số: 5700101690-002 ngày 06/05/2020.

2. Tên dự án đầu tư: Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc.

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Quốc lộ 5, hướng Hải Phòng - Hà Nội, tại xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- Khu đất thực hiện dự án có diện tích 1.108 m². Các hướng tiếp giáp:

+ Phía bắc: Giáp Công ty TNHH UMG Việt Nam.

+ Phía nam: Giáp Công ty cổ phần phát triển thương mại Hải Nam Hưng Yên;

+ Phía đông: Giáp Công ty TNHH UMG Việt Nam.

+ Phía tây: Giáp hành lang quốc lộ 5.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Với tổng mức đầu tư 7,349 tỷ đồng, dự án Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc là dự án nhóm C.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

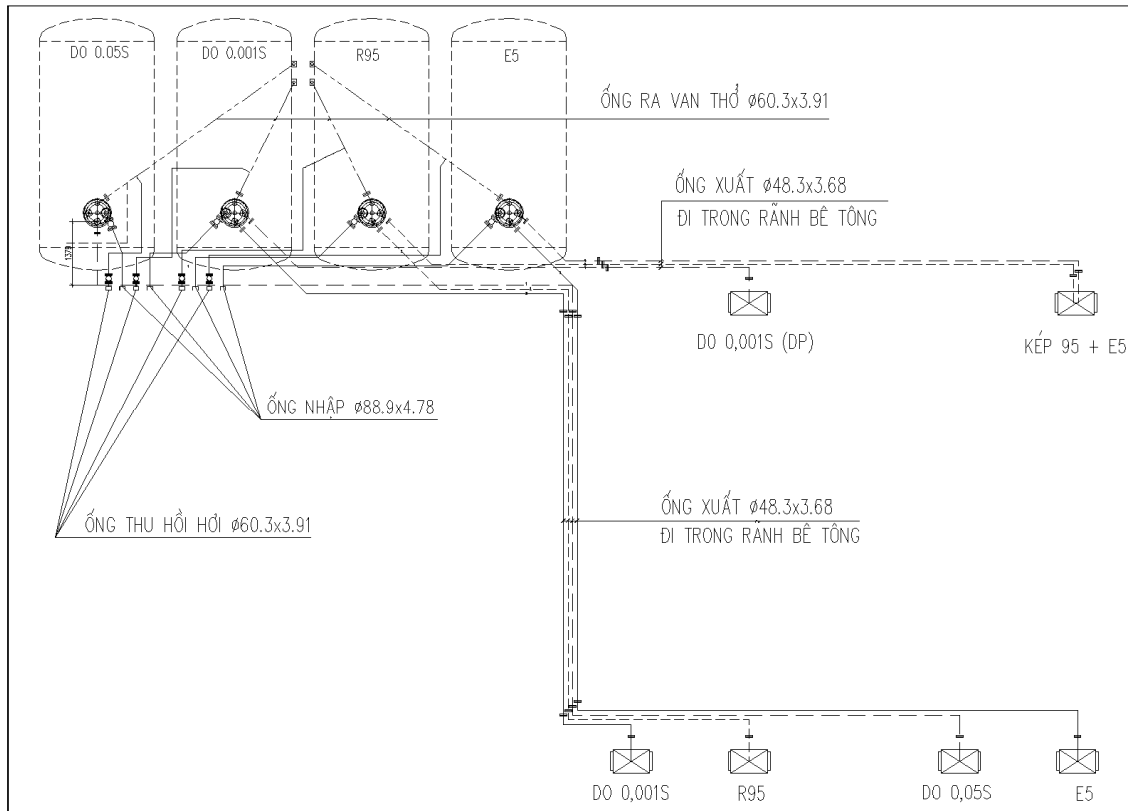
Sản lượng xuất bán xăng dầu 5.000 m³/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc là cửa hàng kinh doanh bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan, thuộc loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ. Đặc điểm hoạt động là phân phối bán lẻ các mặt hàng xăng, dầu cho người tiêu dùng thông qua cột bơm xăng dầu tại cửa hàng.



Hình 1. Sơ đồ công nghệ



Quy trình công nghệ đối với việc tổ chức kinh doanh các mặt hàng xăng, dầu tại cửa hàng xăng dầu bao gồm 3 cung đoạn:

- Nhập xăng dầu: Xăng dầu được vận chuyển từ kho đầu mối (Hải Dương, Hải Phòng, hoặc Quảng Ninh,...) bằng xe ô tô xi-téc đến cửa hàng xăng dầu. Nhập xăng dầu từ xe ô tô xi-téc xuống các bể chứa chôn ngầm của cửa hàng bằng phương pháp tự chảy thông qua ống nối mềm nối từ họng xả của xi-téc xuống họng nhập của bể chứa. Quá trình nhập xăng dầu áp dụng công nghệ nhập kín và công nghệ thu hồi hơi, đồng thời tuân thủ Nội quy PCCC khi nhập xăng dầu tại cửa hàng xăng dầu do Công ty Xăng dầu B12 ban hành. Với 04 bể chứa, cửa hàng có 04 họng nhập bằng ống thép đúc $\Phi 88,9 \times 4,78$, kèm theo đó là 04 đường ống thu hồi hơi xăng dầu và 04 đường ống + van thở riêng cho từng bể chứa.

- Tồn chứa xăng dầu: Xăng dầu được tồn chứa trong các bể chôn ngầm, dung tích tồn chứa tối đa là 04 bể $\times 25 \text{ m}^3/\text{bể} = 100 \text{ m}^3$. Trong đó bao gồm: 02 bể chứa xăng (01 bể xăng E5 Ron92 và 01 bể xăng Ron95), 02 bể chứa dầu diesel. Bể chứa xăng dầu là loại bể trụ nằm ngang, được chế tạo tại nhà máy theo công nghệ bể 2 lớp FRP của Nhật Bản, cấu tạo thành bể gồm 2 lớp:

+ Lớp trong là thép dày 5mm, bên trong được sơn Epoxy chịu xăng dầu chiều dày lớp sơn $\geq 200 \mu\text{m}$.

+ Tiếp theo là khe hở giữa thân bể và lớp bọc.

+ Lớp bọc ngoài gồm 2 lớp bọc: Lớp trong là hỗn hợp nhựa Polyester Reversol 9599 + Sợi thủy tinh ER13-2400-180 + Butanox M-50 + Cobalt. Lớp ngoài cùng là hỗn hợp nhựa Polyester Reversol 9599 + Monowax + Cobalt, tổng chiều dày 2 lớp bọc từ 4 ÷ 4,5 mm.

Ưu điểm của bê 2 lớp là khi có sự cố rò thấm xăng dầu qua lớp vỏ thép, thiết bị phát hiện hơi xăng dầu phát tín hiệu cảnh báo để người sử dụng biết và xử lý kịp thời, không để xảy ra sự cố rò thấm xăng dầu ra môi trường bên ngoài. Hàng ngày, cửa hàng trưởng phải đo tính, cân đối lượng hàng nhập, xuất, nhằm quản lý chặt chẽ lượng hàng hóa tồn bể, phát hiện kịp thời hiện tượng thừa, thiếu hàng hóa (nếu có) để tìm ra nguyên nhân xử lý kịp thời, đảm bảo lượng hàng hóa tồn chứa đủ số lượng, đảm bảo về chất lượng.

- Xuất bán xăng dầu: Xăng dầu được xuất bán thông qua hệ thống đường ống công nghệ xuất nối với cột bơm xăng dầu. Đường ống công nghệ là ống thép đúc $\Phi 48,3 \times 3,68$, được bọc chống rỉ loại tăng cường dày $6 \pm 0,5$ mm, lớp bọc cấu tạo theo tiêu chuẩn TCVN 4090-85 (Đường ống chính dẫn dầu và sản phẩm dầu - Tiêu chuẩn thiết kế). Cột bơm xăng dầu được sử dụng là loại cột bơm của hãng TATSUNO Nhật Bản sản xuất, được kiểm định, hiệu chuẩn bởi đơn vị có chức năng (như Trung tâm kỹ thuật đo lường, chất lượng tỉnh Hưng Yên), tần suất định kỳ 1 lần/năm, ngoài ra còn tiến hành kiểm định đột xuất khi có yêu cầu. Cửa hàng được bố trí lắp đặt 04 cột bơm điện tử (01 cột kép, 03 cột đơn) để bán dầu Diezel, xăng E5-Ron92 và xăng Ron 95, ngoài ra còn bố trí 02 vị trí dự phòng để lắp đặt thêm các cột bơm khi nhu cầu xuất bán tăng lên.

- Kinh doanh dầu mỡ nhờn: Dầu mỡ nhờn được vận chuyển bằng ô tô tải đến cửa hàng, tồn chứa tại kho chứa dầu mỡ nhờn, xuất bán cho khách mua trực tiếp tại cửa hàng, hoặc vận chuyển bằng các phương tiện phù hợp đến nơi tiêu thụ của khách hàng (nếu khách hàng có nhu cầu).

3.3. Sản phẩm của Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc:

Với đặc thù là đơn vị kinh doanh thương mại, nên sản phẩm xuất bán trên thị trường của hệ thống các cửa hàng xăng dầu thuộc Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên chính là các mặt hàng xăng dầu, các sản phẩm có liên quan như dầu mỡ nhờn,...

Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc sẽ cung ứng cho thị trường các sản phẩm, dịch vụ bao gồm:

- Các mặt hàng xăng dầu: Xăng Ron95, xăng E5 Ron92, dầu diezel 0,05S, dầu diezel 0,001S.

- Các mặt hàng dầu mỡ nhờn: Bao gồm mỡ, dầu nhờn động cơ các loại, dầu thủy lực, và các loại dầu chuyên dụng khác,...

- Một số sản phẩm, dịch vụ khác: Nước giặt, bảo hiểm Pjico,...



4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

4.1. Nguyên liệu:

Do đặc thù là doanh nghiệp kinh doanh thương mại, nên sản phẩm, hàng hóa đầu vào chính là các mặt hàng kinh doanh, các sản phẩm đầu ra của doanh nghiệp. Cửa hàng xăng dầu số 94 Trưng Trắc không sử dụng các nguyên liệu đầu vào, do không có quá trình sản xuất, chế biến tại đây.

4.2. Nhiên liệu:

Cửa hàng có sử dụng nhiên liệu dầu diesel trong quá trình vận hành máy phát điện, dự phòng cho các tình huống mất điện lưới.

4.3. Vật liệu:

Không sử dụng ngoại trừ giai đoạn đầu tư xây dựng có sử dụng các vật liệu xây dựng thông thường như: Xi măng, cát, đá, gạch, thép,...

4.5. Phế liệu:

Quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh có khả năng phát sinh các loại phế liệu là vỏ bao bì hàng hóa, các dụng cụ chứa đựng, công cụ dụng cụ bị hư hỏng phải loại bỏ.

4.6. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước:

- Nhu cầu sử dụng điện: Điện của cửa hàng chủ yếu để phục vụ bơm xăng, dầu và chiếu sáng, nguồn cung cấp điện cho cửa hàng được lấy từ hệ thống lưới điện của huyện, có cầu dao tổng và công tơ riêng. Đường điện cung cấp cho các thiết bị sử dụng được đi ngầm hoặc lồng trong ống ghen đảm bảo an toàn phòng nổ. Ngoài ra cửa hàng có bố trí nguồn điện dự phòng bằng máy phát điện. Tổng công suất thiết bị sử dụng điện trong khoảng từ 5kW - 10kW.

- Nhu cầu sử dụng nước: Cửa hàng sử dụng nguồn nước từ giếng khoan trong khuôn viên cửa hàng được xử lý qua bể lọc (trường hợp trong khu vực có cung cấp nước sạch thì Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên sẽ lắp đặt hệ thống nước sạch) để sử dụng phục vụ sinh hoạt của cán bộ công nhân viên cửa hàng, bao gồm ăn uống, tắm giặt và vệ sinh cá nhân; phục vụ công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp, chăm sóc cây xanh trong khuôn viên cửa hàng tạo cảnh quan môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp”. Tổng nhu cầu sử dụng nước tại cửa hàng là 1 m³/ngày đêm, Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên cam kết chỉ khai thác, sử dụng nước dưới đất khi đã được đăng ký, cấp phép theo quy định.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

5.1. Quá trình tổ chức kinh doanh trước đây:

Cửa hàng xăng dầu số 94 Trưng Trắc là cửa hàng đã được đầu tư xây dựng từ năm 1998, cửa hàng đã hoạt động trên 20 năm với đầy đủ hồ sơ pháp lý:



- Về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số DC 006403 ngày 20/12/2021.

- Về quy hoạch xây dựng và giấy phép xây dựng: Dự án được Sở Xây dựng cấp chứng chỉ quy hoạch số 09/CCQH ngày 30/07/1997, được Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng ngày 04/11/1997.

- Về PCCC: Giấy chứng nhận thẩm định về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy số 36/PC23 ngày 04/08/1997; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy chữa cháy số 09/GCN ngày 27/01/2002.

- Về bảo vệ môi trường: Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đã được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường cấp giấy xác nhận số 260/MTg ngày 04/12/2000.

- Giấy cửa hàng đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu: Số 273/GCNĐDK-SCT ngày 31/10/2019 của Sở Công thương.

Quá trình hoạt động Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên, Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc luôn thực hiện đúng các quy định của pháp luật về công tác phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh trật tự, công tác quản lý đo lường, chất lượng hàng hóa, kinh doanh xăng dầu đúng các quy định của pháp luật.

5.2. Kết quả kinh doanh trong những năm gần đây:

- Sản lượng xăng dầu xuất bán đạt: 150 m³/tháng.
- Dầu mỡ nhờn: 300 kg/tháng.
- Doanh thu nước giặt: 2.000.000 đồng/tháng.
- Doanh thu bảo hiểm: 8.000.000 đồng/tháng.
- Số lao động bình quân: 4 lao động.

5.3. Sự cần thiết và quy mô cải tạo Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc:

Qua thời gian dài hoạt động hiện trạng cơ sở vật chất kỹ thuật cửa hàng đã lạc hậu, xuống cấp, nhiều hạng mục không đáp ứng yêu cầu khai thác tổ chức kinh doanh. Dự án Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc được triển khai nhằm mục đích đầu tư, cải tạo, sửa chữa hệ thống cơ sở vật chất đáp ứng tốt hơn nhu cầu tổ chức sản xuất kinh doanh, phù hợp với xu thế hiện đại hóa của Petrolimex, địa phương và xã hội. Các hạng mục công trình chính bao gồm:

- Sân đường: Nâng cao độ nền sân đường khu vực bán hàng thêm khoảng 21,2cm so với cao độ sân bê tông hiện trạng. Toàn bộ diện tích phía sân đường từ mép ngoài mái che cột bơm vào trong cửa hàng đổ bê tông xi măng đá 2x4 mác 250, diện tích 584,4 m²; Phần diện tích từ mép ngoài mái che cột bơm ra đến mép QL5 thảm bê tông nhựa asphalt dày 6cm, diện tích 1.091 m².

- Tường rào: Xây mới tường rào gạch phía sau và hai bên cửa hàng dọc theo ranh giới khu đất được cấp, chiều cao tường 2,2m, tổng chiều dài tường rào là 93,78 m.



- Hệ thống cấp thoát nước gồm: Hệ thống cấp nước từ nguồn nước giếng khoan cấp lên mái nhà vệ sinh để cung cấp nước sinh hoạt cho toàn cửa hàng; Hệ thống thoát nước gồm rãnh thoát nước hở B300 dọc tường rào phía bên phải cửa hàng dài 20,7 m, hệ thống đường ống thoát nước chôn ngầm, hố ga đồng bộ thoát ra hệ thống thoát nước chung của địa phương.

- Mái che cột bơm kết cấu 04 cột bê tông cốt thép, hệ thống dầm, kèo bằng thép, diện tích mái: 25 m x 17,5 m = 437,5 m².

- Nhà bán hàng gồm các gian: Cửa hàng trưng, phòng trực, phòng giao dịch, kho dầu mỡ nhớt, gian máy phát điện, nhà vệ sinh. Tổng diện tích sàn mái 27,12m x 7,62m = 206,6m².

- Khu bể chứa gồm 04 bể chứa chôn ngầm: 4 x 25 m³/bể = 100 m³; Lắp đặt hệ thống công nghệ Nhập – Xuất – Thu hồi hơi – Van thở đồng bộ.

- Hệ thống điện cột bơm, điện chiếu sáng, hệ thống Egas, hệ thống thu hồi tiếp địa đồng bộ với các hạng mục công trình.

- Hệ thống các bảng, biển quảng cáo theo nhận diện thương hiệu của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex).

- Và một số hạng mục nhỏ lẻ khác.

5.4. Các giấy tờ pháp lý của dự án:

- Mặt bằng quy hoạch tổng thể đã được Sở Xây dựng phê duyệt theo thông báo số 107/TB-SXD ngày 14/04/2022.

- Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên cấp giấy chấp nhận địa điểm xây dựng về PCCC: Văn bản số 02/CT-PC07 ngày 21/03/2022.

- Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên đã cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC: Giấy chứng nhận số 150/TD-PCCC ngày 25/07/2022.

- Dự án đã được Công ty Xăng dầu B12 phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Quyết định số 1025/PLXB12-QĐ ngày 05/08/2022.



Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Dự án Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc, tại xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, diện tích đất sử dụng là 1.108 m², vốn đầu tư 7,349 tỷ đồng, với đặt thù kinh doanh thương mại, mặt hàng kinh doanh là xăng dầu và các sản phẩm liên quan phục vụ nhu cầu tiêu dùng xăng dầu của dân cư và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, phương tiện giao thông trên địa bàn, dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Quá trình triển khai thực hiện dự án, bao gồm cả giai đoạn xây dựng và giai đoạn khai thác, vận hành có phát sinh bụi (bụi trong quá trình xây dựng, cải tạo các hạng mục công trình), hơi xăng dầu (xuất hiện trong quá trình nhập, xuất xăng dầu); phát sinh nước thải (bao gồm nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân, đường cửa hàng, nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại cửa hàng, nước thải có nhiễm dầu trong quá trình nhập, xuất xăng dầu có rò rỉ, tràn vãi,...); phát sinh các chất thải rắn (trong đó có chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp hoặc chất thải rắn độc hại, nguy hiểm).

Tuy nhiên với quy mô, công suất và đặc điểm công nghệ nhập, xuất hàng hóa áp dụng tại các cửa hàng xăng dầu nói chung trong hệ thống Petrolimex và tại Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc nói riêng thì lượng phát thải đối với từng chất thải cụ thể là rất thấp. Do vậy, Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên đánh giá dự án hoàn toàn phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.



Chương III

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:

Hiện nay, tại vị trí thực hiện dự án Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc, cửa hàng hiện có vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về công tác bảo vệ môi trường. Cửa hàng đã lập Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường và được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường cấp giấy xác nhận số 260/MTg ngày 04/12/2000.

Hàng năm đều thực hiện việc quan trắc các yếu tố tác động môi trường, kết quả cho thấy các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn cho phép.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Nước thải của cửa hàng được đầu nối với rãnh thoát nước của quốc lộ 5A và đi vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:

Kết quả quan trắc môi trường một số năm gần đây tại Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc như sau:

- Năm 2019:

Bảng 1. Kết quả quan trắc không khí vị trí K1 năm 2019

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	TCVSLĐ 3733/2002/QĐ- BYT
*	<i>Vị trí quan trắc K1: Khu vực trước CHXD</i>			
1	Nhiệt độ	°C	30,9	18 ÷ 32 ^a
2	Độ ẩm	%	63,9	40 ÷ 80 ^a
3	Tiếng ồn (Laeg)	dBA	59,8	85
4	Hydrocacbon (THC)	mg/m ³	13,4	300
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	0,195	8
6	CO	mg/m ³	1,92	40
7	SO ₂	mg/m ³	0,042	10
8	NO _x	mg/m ³	0,031	10



Bảng 2. Kết quả quan trắc không khí vị trí K2 năm 2019

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/ BTNMT (TB 1 giờ)	QCVN 26:2010/ BTNMT (Giới hạn tối đa cho phép)
*	<i>Vị trí quan trắc K2: Khu vực cách CHXD 50 m xuôi gió</i>				
1	Nhiệt độ	°C	31,1	-	-
2	Độ ẩm	%	63,6	-	-
3	Tiếng ồn (Laeg)	dBA	68,9	-	70
4	Nitơ điôxit NO ₂	mg/m ³	0,024	0,2	-
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	0,162	0,3	-
6	CO	mg/m ³	1,87	30	-
7	SO ₂	mg/m ³	0,021	0,35	-
8	Hydrocacbon (THC)	mg/m ³	0,63	5 ^a	-

Bảng 3. Kết quả quan trắc nước thải năm 2019

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 29:2010/ BTNMT (Cột B)
	<i>Vị trí quan trắc NT1: Mẫu nước thải tại gần cuối bể lắng gạn dầu</i>			
1	pH	-	6,9	5,5 ÷ 9
2	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	55,3	150
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	35,8	120
4	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	4,56	30



- Năm 2020:

Bảng 4. Kết quả quan trắc không khí vị trí K1 năm 2020

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	TCVSLĐ 3733/2002/QĐ- BYT
*	<i>Vị trí quan trắc K1: Khu vực trước CHXD</i>			
1	Nhiệt độ	°C	26,3	18 ÷ 32 ^a
2	Độ ẩm	%	71,3	40 ÷ 80 ^a
3	Tiếng ồn (Laeg)	dBA	65,3	85 ^b
4	Hydrocacbon (THC)	mg/m ³	17,8	300
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	0,233	8 ^c
6	CO	mg/m ³	3,12	40 ^d
7	SO ₂	mg/m ³	0,033	10 ^d
8	NO _x	mg/m ³	0,05	10

Bảng 5. Kết quả quan trắc không khí vị trí K2 năm 2020

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/ BTNMT (TB 1 giờ)	QCVN 26:2010/ BTNMT (Giới hạn tối đa cho phép)
*	<i>Vị trí quan trắc K2: Khu vực cách CHXD 50 m xuôi gió</i>				
1	Nhiệt độ	°C	27,5	-	-
2	Độ ẩm	%	69,2	-	-
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	0,187	0,3	-
4	Tiếng ồn (Laeg)	dBA	67	-	70
5	NO ₂	mg/m ³	0,018	0,2	-
6	CO	mg/m ³	2,76	30	-
7	SO ₂	mg/m ³	0,045	0,35	-
8	Hydrocacbon (THC)	mg/m ³	0,921	5 ^a	-



Bảng 6. Kết quả quan trắc nước thải năm 2020

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 29:2010/ BTNMT (Cột B)
<i>Vị trí quan trắc NT1: Mẫu nước thải tại ngăn cuối bể lắng gạn dầu</i>				
1	pH	-	7,32	5,5 ÷ 9
2	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	96,8	150
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	62,5	120
4	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	5,78	30

- Năm 2021:

Bảng 7. Kết quả quan trắc không khí vị trí K1 năm 2021

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	TCVSLĐ 3733/2002/QĐ- BYT
*	<i>Vị trí quan trắc K1: Khu vực trước CHXD</i>			
1	Nhiệt độ	°C	29	18 ÷ 32 ^a
2	Độ ẩm	%	75,4	40 ÷ 80 ^a
3	(NOx) tính theo NO2	mg/m ³	0,043	10 ^b
4	Tiếng ồn (Laeg)	dBA	58,9	85 ^c
5	Hơi xăng (THC)	mg/m ³	15,3	300
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	0,251	8 ^d
7	CO	mg/m ³	3,25	40 ^b
8	SO ₂	mg/m ³	0,042	10 ^b



Bảng 8. Kết quả quan trắc không khí vị trí K2 năm 2021

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/ BTNMT (TB 1 giờ)	QCVN 26:2010/ BTNMT (Giới hạn tối đa cho phép)
*	<i>Vị trí quan trắc K2: Khu vực cách CHXD 50 m xuôi gió</i>				
1	Nhiệt độ	°C	29,1	-	-
2	Độ ẩm	%	75,6	-	-
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	0,209	0,3	-
4	Tiếng ồn (Laeg)	dBA	59,4	-	70
5	(NOx) tính theo NO2	mg/m ³	0,036	0,2	-
6	Hơi xăng (THC)	mg/m ³	0,83	5.000 ^a	-
7	CO	mg/m ³	2,52	30	-
8	SO ₂	mg/m ³	0,041	0,35	-

Bảng 9. Kết quả quan trắc nước thải năm 2021

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 29:2010/ BTNMT (Cột A)
	<i>Vị trí quan trắc NT1: Mẫu nước thải tại gần cuối bể lắng gạn dầu</i>			
1	pH	-	7,4	5,5 ÷ 9
2	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	47,4	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	43,8	50
4	Dầu, mỡ khoáng	mg/L	4,5	5

Kết quả trên cho thấy việc tổ chức hoạt động kinh doanh tại Cửa hàng xăng dầu số 94 Trưng Trắc không làm ảnh hưởng quá mức cho phép đến môi trường khu vực.



Chương IV

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

- Nước thải trong giai đoạn xây dựng chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng và nước mưa chảy tràn. Thời gian kéo dài trong khoảng 4 tháng xây dựng công trình.

+ Nước thải sinh hoạt: Công trình xây dựng cửa hàng có quy mô nhỏ, theo dự kiến đơn vị thi công thương xuyên huy động khoảng từ 10÷15 công nhân/ngày làm việc. Lượng công nhân tập trung là nguyên nhân phát sinh lượng nước thải sinh hoạt dùng nhu cầu ăn ca và nhu cầu vệ sinh cá nhân. Tổng lượng nước thải dự kiến khoảng 1 m³/ngày, với lưu lượng nước thải sinh hoạt nhỏ và thời gian thi công ngắn (khoảng 4 tháng) nên tải lượng các chất ô nhiễm không lớn và những tác động đến môi trường ở mức độ thấp.

+ Nước mưa chảy tràn: Mưa xuất hiện trong giai đoạn xây dựng có thể kéo theo bùn đất, cát và các tạp chất gây ảnh hưởng đến hệ thống thu, dẫn thoát nước chung của khu vực. Tuy nhiên, lưu lượng nước mưa phụ thuộc nhiều vào chế độ khí hậu và thường chỉ tập trung vào một số tháng trong năm (thường lượng mưa xuất hiện lớn vào khoảng từ tháng 6 đến tháng 8). Dự kiến dự án sẽ triển khai thi công vào quý IV năm 2022 đến đầu năm 2023, thời điểm này lượng mưa giảm, đồng thời với diện tích mặt bằng dự án nhỏ (1.108 m²) nên lượng nước mưa không đáng kể, không có khả năng gây ngập úng trong quá trình thi công.

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước:

Không chế lượng nước thải bằng việc tổ chức hợp lý nhân lực trong các giai đoạn thi công. Trong khu vực công trường, bố trí sử dụng lại nhà vệ sinh hiện có của cửa hàng cũ. Đối với lượng nước mưa chảy tràn và nước thải thi công cần bảo vệ tránh làm tắc rãnh thoát nước khu vực. Dự án sẽ thực hiện đồng bộ một số giải pháp kỹ thuật:

+ Kiểm soát chặt chẽ hoạt động thi công (đào, san lấp, tập kết vật liệu) gần rãnh thoát nước. Không để đất cát, gạch đá, chất thải xây dựng bị xói mòn, rơi vãi vào hệ thống thoát nước.

+ Phân vùng thoát nước theo từng giai đoạn thi công, xây dựng hệ thống thoát nước thi công và tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng, không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát thải khu vực bên ngoài dự án.



+ Các bãi tập kết nguyên vật liệu và phế thải xây dựng phải được che chắn chống rửa trôi, phải được nhanh chóng giải phóng mặt bằng phù hợp với tiến độ thi công.

+ Công trình đã được xây dựng hệ thống thu gom thoát nước mưa chảy tràn với các hồ ga và lưới chắn rác để lắng đọng và thu gom các chất rắn, rác trôi theo nước mưa, trước khi đổ ra rãnh thoát nước quốc lộ 5. Đối với nước thải sinh hoạt thì được xử lý lắng gạn trước khi đổ vào hệ thống thoát nước chung.

1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nhiều nhất là phế thải từ quá trình phá dỡ công trình cũ, rác thải sinh hoạt của công nhân trên công trường, ngoài ra còn có chất thải phát sinh từ nguyên vật liệu rơi vãi, bao bì vật tư thiết bị. Dự kiến khối lượng chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn thi công công trình như sau:

+ Phế thải phá dỡ công trình cũ: Khoảng 574 m³.

+ Rác thải sinh hoạt của công nhân khoảng 0,1 kg/người/ngày x khoảng (10÷15) công nhân = 1,5 kg/người/ngày.

+ Nguyên vật liệu rơi vãi, bao bì vật tư thiết bị phát sinh: Khoảng tối đa 1 m³ trong cả quá trình thi công công trình.

- Biện pháp kiểm soát, xử lý chất thải rắn:

+ Đối với phế thải phá dỡ công trình cũ: Khối lượng phế thải này được vận chuyển bằng ô tô đổ ra bãi tập kết phế thải theo quy định và có xác nhận của chính quyền địa phương.

+ Đối với rác thải sinh hoạt: Thực hiện việc phân loại, thu gom tập kết vào dụng cụ chứa đựng và chuyển giao cho đơn vị thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn.

+ Đối với chất thải rắn phát sinh khác trong quá trình thi công: Thực hiện tốt việc phân loại, hạn chế phế thải phát sinh trong thi công, tận dụng triệt để các loại phế thải xây dựng phục vụ cho chính các công đoạn xây dựng cửa hàng.

1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải phát sinh chủ yếu từ quá trình vận hành máy móc, thiết bị có sử dụng nhiên liệu xăng dầu. Lượng khí thải phát sinh phụ thuộc vào số lượng, chất lượng phương tiện sử dụng. Loại khí thải này thuộc dạng nguồn thấp, phát tán đi xa rất kém. Do vậy chúng chỉ gây ô nhiễm cục bộ và ảnh hưởng đến vùng cuối hướng gió. Mặt khác, nếu các biện pháp giảm thiểu được chấp hành tốt, khả năng gây ô nhiễm cục bộ sẽ giảm đáng kể.

- Bụi phát sinh ở hầu hết các hạng mục thi công của dự án như công tác phá dỡ, san nền, đào đắp, vận chuyển nguyên vật liệu. Hầu hết bụi phát sinh tại công trường là bụi có kích thước lớn, nên sẽ không phát tán xa. Do vậy, chúng chỉ gây



ô nhiễm cục bộ tại khu vực nhất định cuối hướng gió, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân tham gia thi công.

- Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí:

+ Lập kế hoạch thi công, kế hoạch cung cấp vật tư khoa học hợp lý, hạn chế việc tập kết vật tư tập trung tại cùng một thời điểm, không để vật liệu của các hạng mục thi công sau ảnh hưởng tới hạng mục thi công trước.

+ Xe vận tải chở vật liệu xây dựng phải được che phủ tránh rơi vãi, chủ phương tiện phải chịu trách nhiệm thu gom, vệ sinh nếu để vật liệu rơi vãi trên đường vận chuyển.

+ Sử dụng vật liệu san lấp có độ ẩm cao trong quá trình san nền, lu lèn.

+ Thực hiện việc xây dựng xong đến đâu tiến hành vệ sinh và thu dọn hiện trường ngay đến đó.

+ Giảm thiểu khí thải từ động cơ xe, máy bằng cách sử dụng nhiên liệu đúng thiết kế động cơ, không chở quá tải trọng quy định, phương tiện máy thiết bị phải được bảo trì, bảo dưỡng đúng chế độ, đảm bảo trong trạng thái hoạt động tốt.

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Trong thi công các hạng mục công trình chính của dự án, lưu lượng phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị hoạt động tăng lên, điều này làm tăng tiếng ồn, độ rung dọc tuyến đường vận chuyển và tại công trường thi công. Mức ảnh hưởng tiếng ồn, độ rung của xe lưu thông và máy công tác tại công trường phụ thuộc vào tình trạng, đặc điểm vận hành của từng loại phương tiện. Tuy nhiên, nhìn chung các tác động tới môi trường do tiếng ồn là nhỏ, mang tính cục bộ ở trong khu vực xây dựng.

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường về tiếng ồn, độ rung: Máy móc thiết bị đưa vào sử dụng tại công trường phải được kiểm tra về giấy phép lưu hành (nếu có), tình trạng kỹ thuật,... đảm bảo hoạt động tốt.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

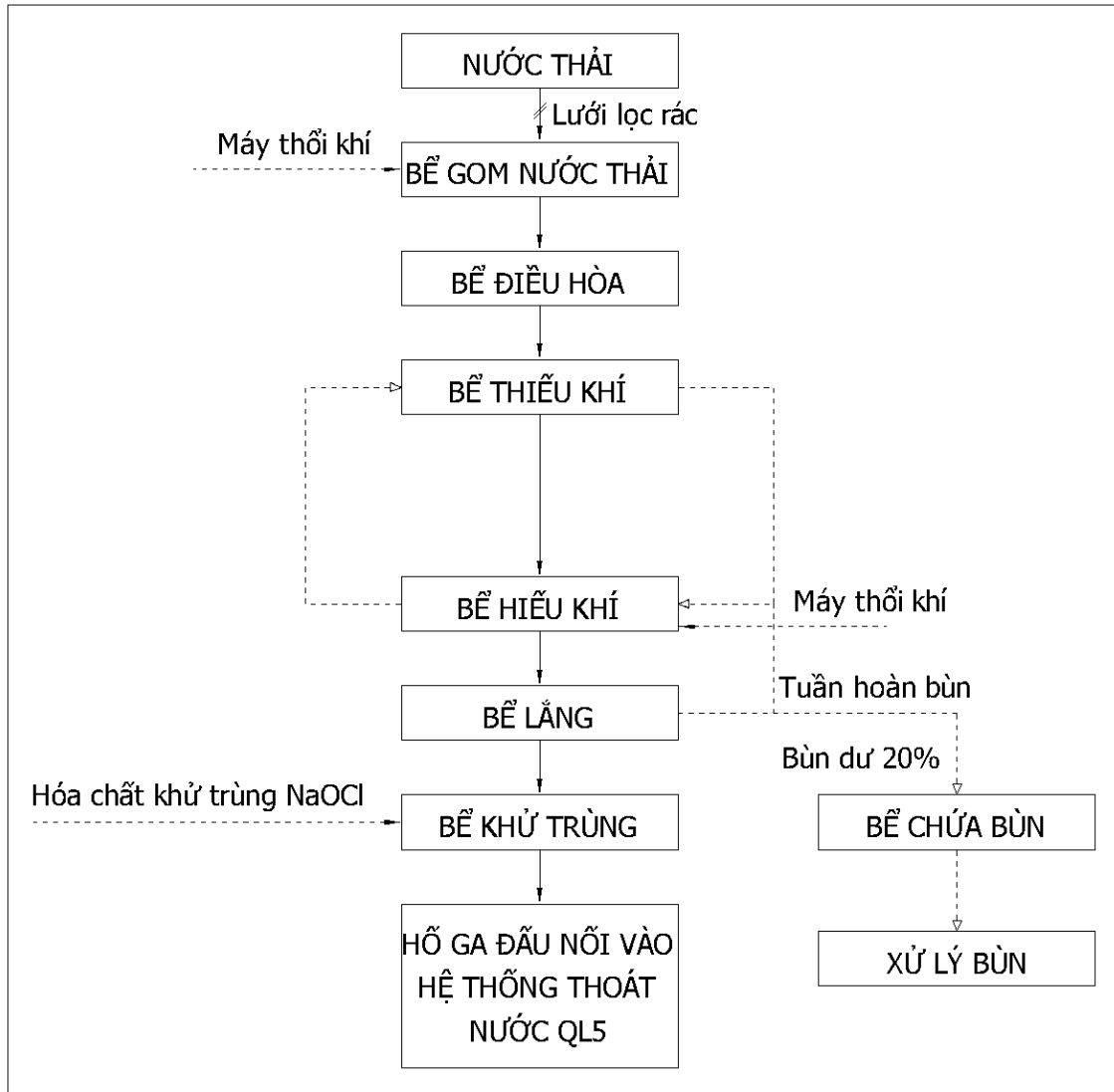
- Đối với nước mưa chảy tràn và nước rửa sân đường: Thiết kế hệ thống rãnh thu gom và hố ga lắng gạn rác, đất cát bản trước khi đầu nối vào rãnh thoát nước quốc lộ 5.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh khi công nhân cửa hàng ăn uống, tắm giặt vệ sinh cá nhân. Quá trình cửa hàng đi vào hoạt động, tổng lượng nước thải sinh hoạt ước tính khoảng 1,0 m³/ngày đêm. Đặc trưng của nước thải sinh hoạt là hàm lượng chất hữu cơ lớn, vì vậy nó là nguồn để các loại vi khuẩn phát triển, trong đó có vi khuẩn gây bệnh. Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp sinh học dựa trên nguyên tắc phân hủy các chất hữu cơ trong điều kiện yếm khí. Nguyên lý công nghệ xử lý như sau:



Quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt của dự án như sau:

Hình 2. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt



- Thuyết minh quy trình công nghệ:

+ Bể thu gom: Nguồn nước thải phát sinh được đưa vào bể gom. Bể gom được thiết kế cốt nước thấp sao cho thu toàn bộ lượng nước thải phát sinh bằng quá trình chảy tự nhiên.

Mục đích: Thu gom nước thải vào hệ thống xử lý nước thải.

Thiết bị: Hệ thống bơm chìm, lưới lọc rác.

+ Bể điều hòa: Do tính chất của nước thải thay đổi theo từng giờ phục vụ và phụ thuộc rất nhiều vào loại nước thải của từng loại hình dịch vụ. Vì vậy, cần thiết xây dựng bể điều hòa. Bể điều hòa có nhiệm vụ ổn định nước thải về lưu lượng và nồng độ; làm giảm kích thước các hạng mục và tạo chế độ làm việc ổn định cho các công đoạn xử lý tiếp theo phía sau, tránh hiện tượng quá tải hệ thống.

Mục đích: Ổn định nước thải về lưu lượng và nồng độ. Điều chỉnh lưu lượng nước thải đảm bảo cho các công trình tiếp theo làm việc liên tục và ổn định.

Thiết bị: Hệ thống bơm chìm + Hệ thống sục khí

+ Bể thiếu khí: Bể thiếu khí tiếp nhận nước thải từ bể điều hòa. Trong nước thải tồn tại một lượng nitơ chủ yếu tồn tại dưới dạng hợp chất hữu cơ và amoniac. Tại đây các vi khuẩn trong môi trường yếm khí sẽ sử dụng các chất dinh dưỡng trong hợp chất hữu cơ làm thức ăn để tăng trưởng và phát triển, đồng thời với quá trình đó là quá trình khử muối nitrat và nitrit bằng cách lấy oxy từ chúng và giải phóng ra nitơ tự do và nước.

Mục đích: Bể có nhiệm vụ xử lý hàm lượng Nitơ dưới dạng muối Nitrat có mặt trong nước thải.

Thiết bị: Máy khuấy chìm và đường ống tuần hoàn nước được đặt trong bể.

+ Bể hiếu khí:

Mục đích: Bể có nhiệm vụ xử lý triệt để các chất hữu cơ còn lại trong nước. Trong bể bùn hoạt tính diễn ra quá trình oxy hóa sinh hóa các chất hữu cơ hòa tan và dạng keo trong nước thải dưới sự tham gia của vi sinh vật hiếu khí. Trong bể có hệ thống sục khí trên khắp diện tích bề nhằm cung cấp oxy, tạo điều kiện thuận lợi cho vi sinh vật hiếu khí hoạt động, phát triển và phân giải các chất ô nhiễm. Vi sinh vật hiếu khí sẽ tiêu thụ các chất hữu cơ dạng keo và hòa tan có trong nước để sinh trưởng nhằm tăng tỷ khối. Vi sinh vật phát triển thành quần thể dạng bông bùn dễ lắng gọi là bùn hoạt tính. Khi vi sinh vật phát triển mạnh nhờ các bộ phận giá thể dính bám nhằm duy trì sinh khối tăng tạo thành bùn hoạt tính dư. Hàm lượng bùn hoạt tính nên duy trì ở nồng độ MLSS trong khoảng 2500 - 4000 mg/l. Do đó, tại bể sinh học hiếu khí dính bám, một phần bùn dư từ chứa bùn sẽ được tuần hoàn về để bảo đảm nồng độ bùn hoạt tính nhất định, ổn định tồn tại trong bể.

Thiết bị: Hệ thống cung cấp và phân phối khí bố trí đều trên diện tích bề bằng các đĩa khí sinh học. Bơm nước thải đặt chìm trong bể tuần hoàn nước về bể thiếu khí (Anoxic).

+ Bể lắng:

Mục đích: Nước thải sau xử lý sinh học có mang theo bùn hoạt tính cần phải loại bỏ trước khi đến các công đoạn xử lý tiếp theo. Vì vậy bể lắng sinh học có nhiệm vụ lắng và tách bùn hoạt tính ra khỏi nước thải. Bùn lắng trong hồ thu cạn của bể lắng sinh học một phần được tuần hoàn về bể Thiếu khí và bể Hiếu khí, phần dư được bơm về bể chứa bùn.

Thiết bị: Hệ thống bơm bùn nhúng chìm để bơm tuần hoàn bùn và bơm bùn về bể chứa bùn. Hệ thống phân phối nước qua ống lắng trung tâm và mương thu nước có sử dụng tấm chắn bùn.

+ Bể khử trùng: Nước thải sau khi tách hoàn toàn cặn lơ lửng. Song với lượng nước thải ấy thì hàm lượng vi sinh vật, vi khuẩn gây bệnh cho con người còn rất



lớn. Chính vì thế, ở công đoạn này bắt đầu tiến hành khử trùng nhằm tiêu diệt vi khuẩn gây bệnh trước khi thải ra môi trường. Hóa chất sử dụng là NaOCl nồng độ 8%.

Mục đích: Bể tiếp xúc có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi cho chất khử trùng có thời gian tiếp xúc và hòa trộn đều với nước thải, tạo hiệu quả khử trùng tốt nhất.

Thiết bị: Bồn chứa hóa chất khử trùng. Bơm định lượng hóa chất khử trùng.

Nước sau khử trùng đạt tiêu chuẩn xả thải của tỉnh Hưng Yên được dẫn ra hệ thống thoát nước quốc lộ 5.

Biện pháp xử lý bùn thải: Lượng bùn thải chủ yếu sinh ra do cặn rắn lơ lửng và bùn vi sinh đã chết được lắng ở đáy bể lắng. Lượng bùn cặn ở bể lắng sẽ được bơm về bể chứa bùn. Bùn cặn sẽ lắng xuống phía dưới nhờ tác động của trọng lực và được định kỳ hút bỏ (6 - 12 tháng), còn phần nước ở phía trên sẽ được dẫn về bể điều hòa để xử lý.

*Hóa chất, chất xúc tác:

Các loại hóa chất và chất xúc tác dự kiến sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2 m³/ngày đêm như sau: NaOCl 8% - Mức sử dụng tối đa 0,1 kg/ngày.

* Thông số thiết kế của hệ thống xử lý nước thải công suất 2 m³/ngày đêm như sau:

Bảng 10. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải 2 m³/ngày đêm

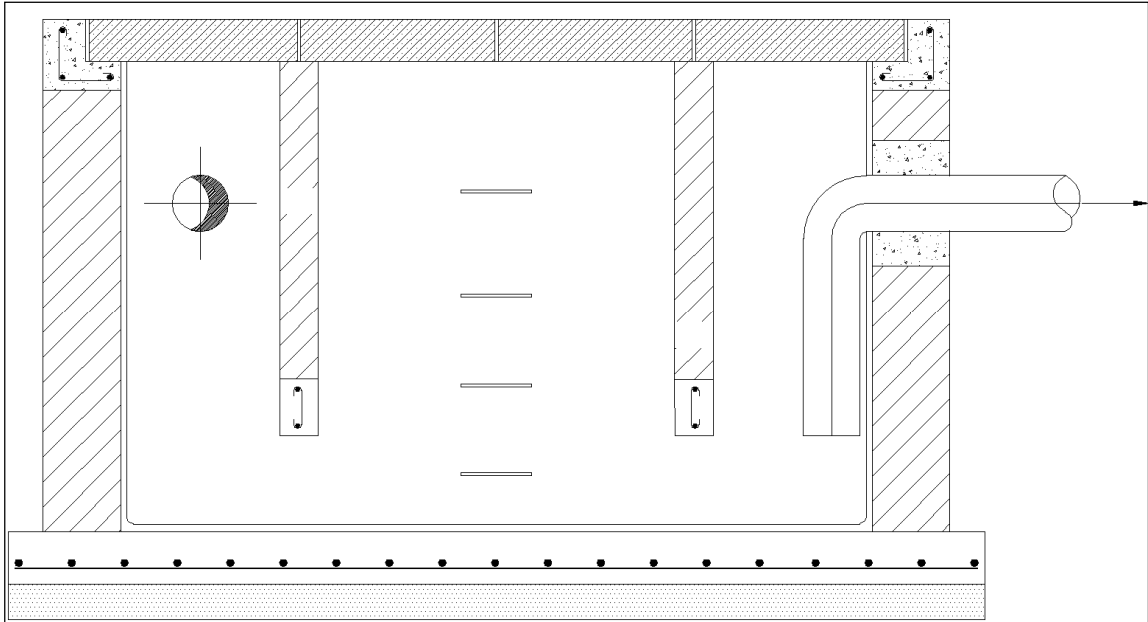
TT	Hạng mục	Kích thước tối đa Dài x Rộng x Cao (m)	Dung tích hiệu dụng tối đa (m ³)
1	Bể gom	1 x 1 x 1,8	1,8
2	Bể điều hòa	2,4 x 1,2 x 1,8	5,184
3	Bể thiếu khí	2,4 x 1 x 1,8	4,32
4	Bể hiếu khí	2,4 x 1,6 x 1,8	6,912
5	Bể lắng	1,3 x 1,3 x 1,8	3,042
6	Bể khử trùng	1,3 x 0,88 x 1,8	2,0592
7	Bể chứa bùn	1,18 x 1 x 1,8	2,124

- Đối với nước thải nhiễm dầu: Cửa hàng có thiết kế hệ thống rãnh trước các cột bơm để thu gom xăng dầu tràn vãi trong quá trình bơm rót (nếu có), nước thải nhiễm dầu sẽ được thu dẫn bằng ống ngầm PVC DN160-C3 về bể lắng gạn 3 ngăn, bể có kích thước 2,5 x 1,64 x 1,64 = 6,7 m³. Tại đây váng xăng dầu không tan trong nước, nhẹ nổi trên mặt nước và bị giữ lại tại ngăn số 1, nước không nhiễm dầu chảy dưới đáy bể qua vách ngăn vào ngăn số 2, tại đây váng dầu nếu còn tiếp tục bị giữ lại bên trên, nước không nhiễm dầu chảy dưới đáy bể qua vách



ngăn vào ngăn số 3, sau đó mới đầu nối vào hệ thống thoát nước chung ra rãnh thu nước quốc lộ 5. Với hệ thống tách lẫn cơ học của bể lắng gạn 3 ngăn như trên, đảm bảo thu giữ tốt xăng dầu tràn vãi (nếu có) trong quá trình thao tác bơm rót cho khách hàng, đảm bảo nước xả ra môi trường không bị nhiễm dầu.

Hình 3. Bể lắng gạn



2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện của khách hàng: Trong giai đoạn Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc đi vào khai thác, vận hành, bụi phát sinh chủ yếu từ các phương tiện ô tô, xe máy, các phương tiện khác ra vào mua xăng dầu, sản phẩm tại cửa hàng. Bụi, khí thải phát sinh do các yếu tố bên ngoài đưa đến, hiện cơ sở chưa có giải pháp triệt để khả thi để tránh các nguồn phát sinh này. Các yếu tố kiểm soát chính ở đây phụ thuộc vào chính sách, chương trình kiểm soát môi trường của Nhà nước (Ví dụ, theo Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ các loại xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới phải áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức 5 - Euro 5 từ ngày 1/1/2022). Tuy nhiên, bên cạnh đó tại Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc có thể áp dụng một số biện pháp nhằm hạn chế phát sinh bụi tại nơi làm việc như: Thường xuyên vệ sinh sân đường sạch sẽ, phun nước làm ẩm sân đường khi thời tiết hanh khô, nắng nóng và hạn chế tốc độ xe ra vào mua xăng dầu.

- Đối với hơi xăng dầu: Hơi xăng dầu phát sinh trong cả ba cung đoạn (nhập xăng dầu vào bể chứa, tồn chứa, xuất bán). Để giảm thiểu hơi xăng dầu phát tán ra môi trường vừa gây độc hại cho sức khỏe công nhân và tiềm ẩn nguy cơ gây cháy nổ, Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên áp dụng các công nghệ sau:

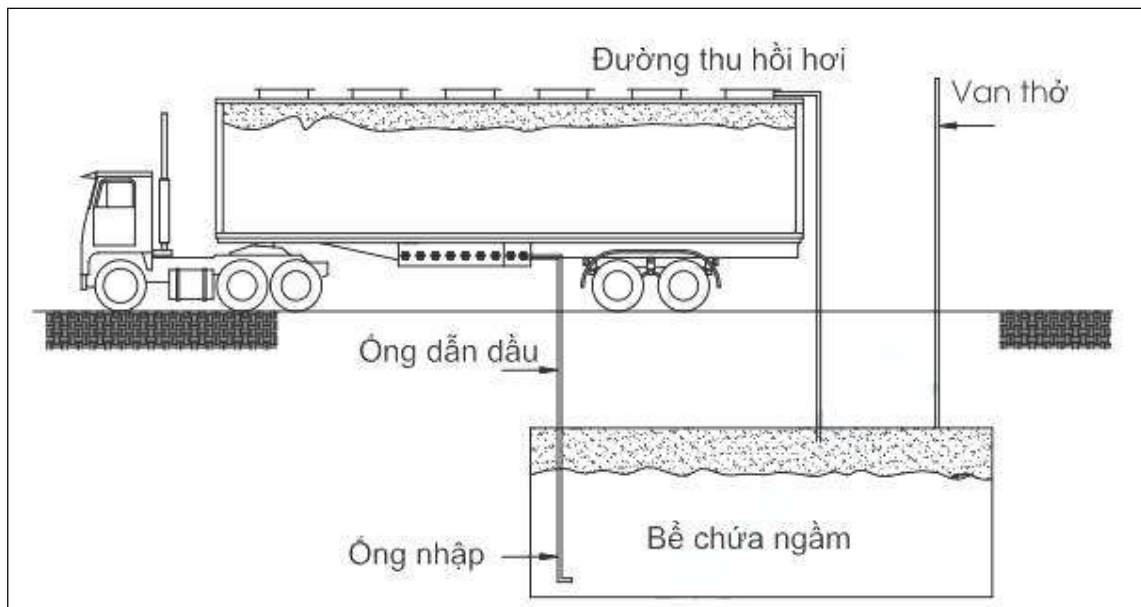
+ Công nghệ nhập kín: Xăng dầu từ xe ô tô xi-téc nhập vào bể chứa ngầm bằng phương pháp tự chảy thông qua ống mềm chịu xăng dầu, một đầu ống nối với họng xả của xi-téc, một đầu nối với họng nhập kín của bể chứa. Phương pháp

nhập kín đảm bảo xăng dầu không rơi vãi ra ngoài môi trường, giảm hao hụt khâu nhập hàng và đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn môi trường.

+ Công nghệ thu hồi hơi xăng dầu: Khi nhập hàng từ ô tô xi-téc xuống bể chứa, sau khi nối ống nhập từ xi-téc xuống bể, tiến hành nối ống thu hồi hơi từ bể chứa với khoang chứa xăng dầu của xi-téc. Bằng biện pháp này, khi xăng dầu chảy từ xi-téc xuống bể kín, chất lỏng xăng dầu chiếm chỗ hơi xăng dầu trong bể chứa, đẩy hơi xăng dầu qua ống thu hồi hơi quay trở lại xi-téc. Công nghệ thu hồi hơi giúp giảm lượng hơi xăng dầu thoát ra môi trường qua van thở (nếu không có đường ống thu hồi hơi), giúp giảm hao hụt khi nhập hàng và đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.

+ Sử dụng van thở: Mỗi bể lắp đặt một van thở riêng, các van thở có lưới ngăn tia lửa, có áp suất dương 300-400 mm cột nước; áp suất âm 20-50 mm cột nước. Khi bể chứa được lắp đặt van thở sẽ hạn chế hơi xăng dầu bay hơi ra môi trường làm hao hụt xăng dầu trong xuất nhập, tồn chứa, giảm nguy cơ cháy nổ và ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

Hình 4. Sơ đồ công nghệ nhập xăng dầu từ ô tô xi-téc vào bể chứa ngầm



2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại):

2.3.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Bảng 10. Chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng phát sinh (Kg/năm)

1	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại (thùng chứa, vỏ lon...)	Rắn	18 01 02	15
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa (vỏ lon, hộp nhựa...)	Rắn	18 01 03	15
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	18 02 01	05
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	20
5	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	01
6	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	05
7	Chất thải lẫn dầu	Rắn/lỏng	19 07 01	150

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Không phát sinh.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh $0,5 \text{ kg/người/ngày} \times 4 \text{ người} = 2 \text{ kg/ngày} = 60 \text{ kg/tháng}$.

2.3.2. Công tác bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.3.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa (ghi rõ quy cách, cấu tạo, khối lượng có khả năng lưu chứa):

- Đối với chất thải nhiễm dầu phát sinh của quá trình vận hành bể lắng gạn được lưu giữ ngay tại ngăn số 1 của bể lắng gạn.

- Đối với các loại chất thải nguy hại khác, bố trí các thùng chứa đựng theo từng nhóm chất thải nguy hại.

Bảng 11. Công trình, dụng cụ lưu chứa chất thải nguy hại

TT	Công trình/ dụng cụ	Mã CTNH lưu chứa
01	Thùng composite 120L	- Mã CTNH: 18 01 02 (Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại như vỏ lon...); - Mã CTNH: 18 01 03 (Bao bì cứng thải bằng nhựa như hộp nhựa, ...).
02	Thùng composite 120L	- Mã CTNH: 18 02 01 (Giẻ lau, găng tay dính dầu).
03	Hòm tôn kích thước (DxRxC) = 1,1 x 0,6 x 0,5 m	- Mã CTNH: 08 02 04 (Hộp mực in thải); - Mã CTNH: 19 06 01 (Pin, ắc quy chì thải).



TT	Công trình/ dụng cụ	Mã CTNH lưu chứa
04	Thùng phuy nhựa 50L	- Mã CTNH: 17 02 04 (Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác).
05	Ngăn chứa số 1 của bể lắng gạn, xây bằng gạch và bê tông, kích thước (D x R x C) = 1,2 x 0,45 x 0,93m	- Mã CTNH: 19 07 01 (Chất thải lẫn dầu).

Hình 5. Lưu giữ chất thải nguy hại



b) Kho/khu vực lưu chứa trong nhà (trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho/khu vực lưu chứa thứ nhất):

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Toàn bộ 03 thùng và 01 hòm đựng chất thải nguy hại như đã liệt kê trên đây được để trong gian kho dầu mỡ nhờn, có diện tích 4,1 x 3,7 m \approx 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kho DMN được thiết kế hợp khối với khối nhà bán hàng của cửa hàng. Móng xây gạch; Giằng móng, giằng đỉnh tường bê tông cốt thép; Móng và trụ bê tông cốt thép; Tường xây gạch bê tông; Mái bê tông cốt thép lợp tôn chống nóng phía trên; Cửa khung nhôm sơn tĩnh điện; Nền kho dầu mỡ nhờn sơn Epoxy chịu dầu.

Các loại chất thải nguy hại khác phát sinh theo danh mục nêu trên được lưu giữ vào các thùng chứa, để trong nhà kho, có dán nhãn theo quy định về quản lý chất thải nguy hại (Riêng chất thải lẫn dầu được lưu giữ tại ngăn số 1 của bể lắng gạn dầu). Định kỳ 6 tháng hoặc 1 năm tùy theo lượng phát sinh nhiều hay ít, Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên tổ chức ký hợp đồng với đơn vị đủ năng lực vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

2.3.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Không phát sinh.

2.3.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) Thiết bị lưu chứa (ghi rõ quy cách, cấu tạo, khối lượng có khả năng lưu chứa):

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại và lưu giữ vào các thùng chứa như sau:

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Thùng composite 120L.
- Chất thải thực phẩm: Thùng composite 120L.
- Chất thải rắn sinh hoạt khác: Thùng composite 120L.



b) Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: Diện tích khoảng 3 m², tại vị trí sân có mái che nối giữa khối nhà bán hàng sang khối nhà kho nhà vệ sinh và máy phát điện.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Đây là khu sân có mái che, được thiết kế móng, khung, tường, mái như nhà bán hàng.

* Rác thải sinh hoạt được phân loại, chứa đựng vào từng thùng/túi riêng theo quy định của địa phương, định kỳ bàn giao cho đơn vị thu gom xử lý trên địa bàn.

2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường:

- Tại cửa hàng có sử dụng một số máy móc thiết bị:

+ Cột bơm xăng dầu: Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên sử dụng loại cột của hãng Tatsuno Nhật Bản sản xuất, dùng động cơ điện ba pha, quá trình vận hành không phát sinh tiếng ồn, độ rung đến mức gây ảnh hưởng đến môi trường lao động.

+ Một số thiết bị tiêu thụ điện khác phục vụ môi trường làm việc văn phòng và sinh hoạt của công nhân như: Máy vi tính, máy in, quạt điện, máy điều hòa



không khí, bình nước nóng lạnh, bếp từ, máy bơm nước,... Các thiết bị này đều là những thiết bị điện phục vụ sinh hoạt dân dụng, không gây ảnh hưởng đến môi trường lao động và môi trường xung quanh.

+ Máy phát điện 10KVA cấp nguồn điện dự phòng: Chi nhánh sử dụng loại máy phát dùng nhiên liệu diesel, có vỏ cách âm dùng cấp nguồn điện cho cửa hàng trong trường hợp mất điện lưới. Máy phát được đặt trong gian phòng riêng, có hệ thống thoát khí thải và thông hơi, máy được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ hàng năm, đảm bảo trong trạng thái vận hành tốt. Quá trình vận hành tiếng ồn, độ rung phát sinh đều nằm trong phạm vi cho phép, không gây ảnh hưởng lớn đến điều kiện lao động và sinh hoạt của công nhân trong cửa hàng.

+ Ngoài ra tại cửa hàng còn phát sinh tiếng ồn, độ rung do các phương tiện giao thông ra vào mua xăng dầu. Đối với các yếu tố này, vấn đề phát sinh các yếu tố có hại cho môi trường được kiểm soát thông qua các chương trình quốc gia bằng các tiêu chuẩn cấp giấy đăng kiểm cho các phương tiện.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

2.5.1. Trong quá trình nhập hàng từ ô tô xi-téc vào bể chứa:

- Nguồn tiềm ẩn nguy cơ gây sự cố môi trường:

+ Không tính toán đúng lượng hàng còn tồn và lượng hàng sẽ nhập dẫn đến tràn xăng dầu ra ngoài thông qua lỗ đo dầu trong trường hợp cửa hàng quên không đóng nắp lỗ đo dầu khi nhập hàng;

+ Tràn do nhập nhầm hàng vào bể chứa.

+ Quá trình nhập hàng từ ô tô xi-téc vào bể, công nhân cửa hàng và lái xe lắp khớp nối không chắc chắn dẫn đến bị tuột khớp nối.

+ Xe bồn bị trôi trong lúc nhập hàng, gây tuột ống hoặc đứt ống.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố:

+ Cán bộ, công nhân viên cửa hàng và lái xe xi-téc phải thực hiện đúng quy định nhập hàng từ ô tô xi-téc vào bể chứa; kiểm tra độ chắc chắn, độ kín khít của khớp nối và vị trí liên kết khớp nối với ống nhập.

+ Cửa hàng hướng dẫn lái xe đỗ tại vị trí bằng phẳng; lái xe phải thực hiện đỗ xe theo hướng dẫn của cửa hàng. Kiểm tra kỹ việc kéo phanh tay trước khi rời ca-bin xe để đảm bảo không bị trôi xe trong lúc nhập hàng.

2.5.2. Trong quá trình tồn chứa đối với bể chứa và công nghệ:

- Nguồn tiềm ẩn nguy cơ gây sự cố môi trường:

+ Rò rỉ do thùng bồn chứa.

+ Rò rỉ do thùng ống công nghệ.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố:



+ Thường xuyên kiểm tra đánh giá tình trạng kỹ thuật của bể chứa, Khi có các hiện tượng bất thường của bể chứa, hàng hóa trong bể phải tổ chức kiểm tra và khắc phục triệt để ngay. Sử dụng loại bể 2 lớp công nghệ Nhật Bản, lắp đặt thiết bị cảnh báo hơi xăng dầu để phát hiện kịp thời hiện tượng thủng bể.

+ Thường xuyên kiểm tra đánh giá tình trạng kỹ thuật của đường ống công nghệ. Khi có các hiện tượng bất thường của công nghệ phải tổ chức kiểm tra và khắc phục triệt để ngay.

2.5.3. Trong quá trình xuất bán xăng dầu qua cột bơm:

- Nguồn tiềm ẩn nguy cơ gây sự cố môi trường:

+ Xe ô tô của khách hàng va chạm vào cột bơm.

+ Súng bơm xăng, dầu chưa kịp rút ra thì xe ô-tô đã di chuyển làm tuột khớp nối súng bơm với ống bơm.

+ Công nhân bán hàng khi bơm xăng không chú ý quan sát đã bơm đầy tràn ra ngoài.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố:

+ Công nhân bán hàng phải được huấn luyện và tuân thủ quy trình bán hàng 5 bước, chủ động hướng dẫn khách hàng di chuyển phương tiện theo luồng vào vị trí mua hàng an toàn.

+ Có giải pháp bảo vệ khu vực đảo bơm đảm bảo chắc chắn, nhưng vẫn thuận lợi cho các hoạt động bán hàng.

+ Tập trung chú ý quan sát khi bơm xăng, dầu cho khách tránh bơm quá đầy gây tràn ra ngoài.

2.5.4. Trong quá trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Nguồn tiềm ẩn nguy cơ gây sự cố môi trường: Quá trình bàn giao CTNH cho đơn vị có chức năng xử lý CTNH, công nhân thu gom vô ý gây đổ phuy dầu thải, làm dầu tràn ra ngoài gây sự cố.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố: Kiểm tra độ chắc chắn và kín của nắp đậy phuy chứa dầu thải, thận trọng trong quá trình thu gom, vận chuyển.

2.5.5. Trong quá trình bảo quản, tồn chứa dầu mỡ nhờn:

- Nguồn tiềm ẩn nguy cơ gây sự cố môi trường: Công nhân vận chuyển phuy dầu nhờn làm đổ phuy gây bật nắp phuy và dầu tràn ra bên ngoài, hoặc quá trình di chuyển, mang vác thùng dầu, kiện dầu bị rơi, đổ vỡ thùng dầu, kiện dầu.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố: Thận trọng trong quá trình xếp dỡ phuy dầu nhờn.

2.5.6. Biện pháp chung trong công tác phòng ngừa, xử lý sự cố môi trường:

- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình Công ty Xăng dầu B12 và Tập đoàn xăng dầu Việt Nam phê duyệt.



- Triển khai nội dung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đến toàn thể cán bộ công nhân viên tại Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc. Định kỳ tổ chức thực tập các tình huống đã được đề cập trong phương án.

- Mua sắm, cấp phát các trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu: Hệ thống báo động sự cố, bộ ứng phó sự cố tràn dầu.

2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi:

Cửa hàng không xả nước thải vào công trình thủy lợi.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.

Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường được đầu tư xây dựng đồng bộ, gắn liền với toàn bộ các hạng mục công trình của dự án đầu tư Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc. Cụ thể bao gồm các hạng mục công trình sau:

Bảng 12. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

STT	Tên công trình, biện pháp	Mô tả chi tiết
1	Cống, rãnh, hố ga thu, thoát nước mưa chảy tràn	<p>- Thoát nước mái nhà bán hàng: 03 ống PVC D90-C3 từ mái xuống ống dẫn PVC D160-C3 dưới mặt đất dẫn ra rãnh hồ B300.</p> <p>- Thoát nước mái che cột bơm: 1/2 mái thoát qua 02 ống PVC D110-C3 từ mái xuống ống dẫn PVC DN160-C3 dưới mặt đất, qua 02 hố gas rồi dẫn ra rãnh hồ B300; 1/2 mái thoát qua 02 ống PVC D110-C3 từ mái xuống ống dẫn PVC DN160-C3 dưới mặt đất, qua 02 hố gas rồi dẫn thẳng ra rãnh thoát nước QL5.</p> <p>- Rãnh hồ B300 đầu nối với hố has sau đó nối với rãnh thoát nước QL5.</p>
2	Bể tự hoại 3 ngăn	<p>- Kích thước ngoài $2,5 \times 1,6 \times 1,38 = 5,52 \text{ m}^3$. Sức chứa ngăn 1 $= 1,4 \times 1,35 \times 1,1 = 2,1 \text{ m}^3$. Sức chứa ngăn 2,3 $= 0,74 \times 0,64 \times 1,1 = 0,5 \text{ m}^3$.</p> <p>- Nước thải, chất thải nhà vệ sinh thu về bể tự hoại, nước thải từ bể tự hoại được dẫn bằng ống PVC DN110-C3 qua hố gas và đầu nối vào rãnh thoát nước QL5.</p>
3	Bể lắng gạn dầu 3 ngăn	<p>- Kích thước ngoài $2,5 \times 1,64 \times 1,64 = 6,7 \text{ m}^3$. Sức chứa ngăn 1, 3 $= 1,2 \times 0,45 \times 0,83 = 0,5 \text{ m}^3$. Sức chứa ngăn 2 $= 1,2 \times 1,01 \times 0,83 = 1 \text{ m}^3$.</p> <p>- Xăng dầu tràn vãi trong quá trình bơm rót (nếu có)</p>



STT	Tên công trình, biện pháp	Mô tả chi tiết
		được thu bằng 04 rãnh thu dầu B250 dài 3 mét trước mỗi đảo bơm, sau đó được dẫn bằng ống PVC DN160-C3 về bể lắng gạn. Nước thải đã loại bỏ váng dầu từ bể lắng gạn chảy ra rãnh hở B300, qua hố gas và chảy vào rãnh thoát nước QL5.
4	Hệ thống nhập kín	Bao gồm: Họng nhập kín 3" - 150#RF có mặt kính báo đầu họng nhập, ống nhập là ống thép đen 3" Φ88,9 x 4,78
5	Hệ thống thu hồi hơi xăng dầu	Bao gồm họng thu hồi hơi 2" - 150#RF, van chặn 2" (van đóng nhanh) - 150#RF, ống thu hồi hơi là ống thép đen Φ60,3 x 3,91
6	Hệ thống van thở cơ khí	Bao gồm: Van thở 2" - 150#RF, ống nối van thở với bể chứa bằng ống thép đen Φ60,3 x 3,91
7	Thùng chứa rác thải sinh hoạt	Trang bị 03 thùng chứa rác thải sinh hoạt loại từ 60L - 120L dùng để phân loại và chứa: Rác thải tái chế, rác thải hữu cơ, rác thải vô cơ theo hướng dẫn của đơn vị thu gom rác thải tại địa bàn.
8	Thùng chứa chất thải nguy hại	Trang bị 04 dụng cụ chứa đựng chất thải nguy hại bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Thùng chứa CTNH có dán mã: 18 01 02 (Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại như vỏ lon...); 18 01 03 (Bao bì cứng thải bằng nhựa như hộp nhựa...) - Thùng chứa CTNH có dán mã 18 02 01 (giẻ lau, găng tay dính dầu) - Hòm tôn chứa CTNH có dán mã 18 02 04 (Hộp mực in thải); 19 06 01 (Pin, ắc quy chì thải) - Thùng chứa CTNH có dán mã 17 02 04 (Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác)
9	Bộ ứng phó sự cố tràn dầu (Spill kit)	Bộ ứng phó khẩn cấp (Spill kit) bao gồm tất cả các vật tư và trang thiết bị cần thiết cho công tác xử lý nhanh sự cố tràn vãi dầu và hoá chất như: Bột thấm hút dầu rơi vãi Kleen Sweep, Tấm thấm dầu, Phao thấm dầu, Gói thấm dầu và trang thiết bị bảo hộ như: Găng tay, Kính mắt, Mặt nạ phòng độc, Chổi – Gàu xúc, Túi đựng chất thải.
10	Vận chuyển, xử lý CTNH	Lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực thực hiện. Tiến hành định kỳ 6 tháng hoặc 1 năm tùy



STT	Tên công trình, biện pháp	Mô tả chi tiết
		thuộc lượng phát sinh.

3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

Cửa hàng xăng dầu với đặc điểm là đơn vị kinh doanh thương mại, lượng phát thải rất nhỏ, nên không áp dụng xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

3.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Theo chỉ đạo chung của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và Công ty Xăng dầu B12.

3.4. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

Toàn bộ các hạng mục công trình, vật tư thiết bị xây dựng, trang cấp phục vụ công tác phòng ngừa, kiểm soát, ứng phó sự cố môi trường đã tính toán đầu tư đồng bộ trong dự án Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc, tổng mức đầu tư của dự án là 7,349 tỷ đồng.

3.5. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường:

Đơn vị quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường được mô tả trên đây chính là toàn bộ cán bộ công nhân viên Cửa hàng xăng dầu số 94 Trung Trắc, dưới sự chỉ đạo của Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Toàn bộ những kết quả đánh giá, dự báo nêu trong báo cáo này đều dựa trên quá trình thực tiễn quản lý, khai thác hoạt động hệ thống trên 30 cửa hàng xăng dầu của Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trong hơn 25 năm qua.



Chương V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Nước thải từ bể lắng gạn dầu.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

- Nước thải sinh hoạt: 0,8 m³/ngày đêm.
- Nước thải từ bể lắng gạn dầu: Nhỏ không đáng kể (Lấy 0,2 m³/ngày đêm).

1.3. Dòng nước thải:

- Dòng nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt qua hệ thống xử lý nước thải công suất 2m³/ngày đêm, nước thải đầu ra đạt QCDP01:2019/HY được dẫn bằng ống PVC DN110-C3 về hố ga HG1, nước thải từ hố ga HG1 chảy theo ống thép D232,9 x 7 dẫn vào rãnh thoát nước QL5 phía trước cửa hàng.

(Sơ đồ công nghệ và các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải công suất 2 m³/ngày đêm được trình bày tại 2.1 khoản 2 chương IV).

- Nước thải từ bể lắng gạn dầu: Nước từ bể lắng gạn chảy vào rãnh hở về hố ga HG1, nước thải từ hố ga HG1 chảy theo ống thép D232,9 x 7 dẫn vào rãnh thoát nước QL5 phía trước cửa hàng.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

- Dòng nước thải sinh hoạt:

Áp dụng QCDP 01:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt, tính toán giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải như sau:

$$C_{\max} = C \times K \times K_{hy}$$

Bảng 13. Tính toán C_{\max}

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	Giá trị K	Giá trị K_{hy}	C_{\max}
1	pH	-	5 - 9	-	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30	1.2	0.85	30.6
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	1.2	0.85	51.0
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	1.2	-	600.0
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S)	mg/l	1.0	1.2	-	1.2
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	5	1.2	-	6.0



7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (Tính theo N)	mg/l	30	1.2	-	36.0
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	1.2	-	12.0
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	1.2	-	6.0
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (Tính theo P)	mg/l	6	1.2	-	7.2
11	Tổng califorms	MPN/100ml	3,000	-	-	3,000

Ghi chú:

+ Theo 2.1.2 của QCDP 01:2019/HY thì $C_{max} = C$ đối với thông số pH, tổng califorms.

+ Hệ số K: Áp dụng mục 6, bảng 2 (Cơ sở sản xuất dưới 500 người)

+ Hệ số K_{hy}: Áp dụng với thông số: BOD₅, TSS.

- Dòng nước thải từ bể lắng gạn dầu:

Áp dụng QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu. Cụ thể như sau:

Bảng 14. Giá trị các thông số nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B, cửa hàng không có dịch vụ rửa xe)
1	pH	-	5,5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	120
3	Nhu cầu oxi hóa học	mg/l	150
4	Dầu, mỡ khoáng	mg/l	30

1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Dòng nước thải sinh hoạt:

+ Vị trí: Hồ ga HG1 nối rãnh thoát nước hồ B300 với rãnh thoát nước quốc lộ 5, có tọa độ X = 2318746,43 (m); Y = 551495,17 (m)

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải hoặc công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi dự án: Rãnh thoát nước quốc lộ 5.

- Dòng nước thải từ bể lắng gạn dầu:

+ Vị trí: Ống thoát của bể gạn dầu, nơi chảy vào rãnh thoát nước hồ B300, có tọa độ **x = 2318741,98 (m); y = 551487,05 (m).**



+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải hoặc công trình xử lý nước thải khác ngoài phạm vi dự án: Rãnh thoát nước quốc lộ 5.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Không.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

Không.

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn:

4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại (thùng chứa, vỏ lon...)	Rắn	18 01 02	15
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa (vỏ lon, hộp nhựa...)	Rắn	18 01 03	15
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	18 02 01	05
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	20
5	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	01
6	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	05
7	Chất thải lẫn dầu	Rắn/lỏng	19 07 01	150

4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Không phát sinh.

4.1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh $0,5 \text{ kg/người/ngày} \times 4 \text{ người} = 2 \text{ kg/ngày} = 60 \text{ kg/tháng}$.

4.2. Công tác bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa (ghi rõ quy cách, cấu tạo, khối lượng có khả năng lưu chứa):

- Đối với chất thải nhiễm dầu phát sinh của quá trình vận hành bể lắng gạn được lưu giữ ngay tại ngăn số 1 của bể lắng gạn.



- Đối với các loại chất thải nguy hại khác, bố trí các thùng chứa đựng theo từng nhóm chất thải nguy hại.

TT	Công trình/ dụng cụ	Mã CTNH lưu chứa
01	Thùng composite 120L	- Mã CTNH: 18 01 02 (Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa thành phần nguy hại như vỏ lon...); - Mã CTNH: 18 01 03 (Bao bì cứng thải bằng nhựa như hộp nhựa, ...).
02	Thùng composite 120L	- Mã CTNH: 18 02 01 (Giẻ lau, găng tay dính dầu).
03	Hòm tôn kích thước (DxRxC) = 1,1 x 0,6 x 0,5 m	- Mã CTNH: 08 02 04 (Hộp mực in thải); - Mã CTNH: 19 06 01 (Pin, ắc quy chì thải).
04	Thùng phuy nhựa 50L	- Mã CTNH: 17 02 04 (Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác).
05	Ngăn chứa số 1 của bể lắng gạn, xây bằng gạch và bê tông, kích thước (D x R x C) = 1,2 x 0,45 x 0,93m	- Mã CTNH: 19 07 01 (Chất thải lẫn dầu).

b) Kho/khu vực lưu chứa trong nhà (trường hợp có từ 02 kho/khu vực lưu chứa trở lên, các kho lưu chứa tiếp theo được mô tả tương tự kho/khu vực lưu chứa thứ nhất):

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Toàn bộ 03 thùng và 01 hòm đựng chất thải nguy hại như đã liệt kê trên đây được để trong gian kho dầu mỡ nhờn, có diện tích 4,1 x 3,7 m \approx 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kho DMN được thiết kế hợp khối với khối nhà bán hàng của cửa hàng. Móng xây gạch; Giàng móng, giàng đỉnh tường bê tông cốt thép; Móng và trụ bê tông cốt thép; Tường xây gạch bê tông; Mái bê tông cốt thép lợp tôn chống nóng phía trên; Cửa khung nhôm sơn tĩnh điện; Nền kho dầu mỡ nhờn sơn Epoxy chịu dầu.

Các loại chất thải nguy hại khác phát sinh theo danh mục nêu trên được lưu giữ vào các thùng chứa, để trong nhà kho, có dán nhãn theo quy định về quản lý chất thải nguy hại (Riêng chất thải lẫn dầu được lưu giữ tại ngăn số 1 của bể lắng gạn dầu). Định kỳ 6 tháng hoặc 1 năm tùy theo lượng phát sinh nhiều hay ít, Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên tổ chức ký hợp đồng với đơn vị đủ năng lực vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Không phát sinh.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:



a) Thiết bị lưu chứa (ghi rõ quy cách, cấu tạo, khối lượng có khả năng lưu chứa):

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại và lưu giữ vào các thùng chứa như sau:

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Thùng composite 120L.
- Chất thải thực phẩm: Thùng composite 120L.
- Chất thải rắn sinh hoạt khác: Thùng composite 120L.

b) Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: Diện tích khoảng 3 m², tại vị trí sân có mái che nối giữa khối nhà bán hàng sang khối nhà kho nhà vệ sinh và máy phát điện.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Đây là khu sân có mái che, được thiết kế móng, khung, tường, mái như nhà bán hàng.

* Rác thải sinh hoạt được phân loại, chứa đựng vào từng thùng/túi riêng theo quy định của địa phương, định kỳ bàn giao cho đơn vị thu gom xử lý trên địa bàn.



Chương VI
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH
XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:

Căn cứ theo khoản 1 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì công trình xử lý chất thải của dự án không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Do lượng nước thải phát sinh nhỏ hơn 200 m³/ ngày đêm, nên theo quy định tại khoản 2- Điều 111, khoản 2- Điều 112 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 97 (đối với nước thải), Điều 98 (đối với khí thải), Phụ lục XXVIII, Phụ lục XXIX của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì các cửa hàng xăng dầu của Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải, khí thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Căn cứ theo khoản 2 điều 97 và khoản 2 điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường dự án không phải lắp đặt các thiết bị quan trắc tự động, liên tục chất thải.



Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên cam kết tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và cam kết thực hiện đầy đủ Chương trình quản lý môi trường như đã nêu trong chương 4 (bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mà dự án bắt buộc phải áp dụng); Tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường, cam kết cụ thể như sau:

1. Cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong giai đoạn xây dựng dự án

Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên cam kết thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý môi trường trong giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thi công xây dựng đã đề xuất.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình thi công, đảm bảo đạt QCVN về môi trường hiện hành.

- Cam kết xử lý nước thải đạt QCVN về môi trường hiện hành.
- Cam kết thu gom, xử lý chất thải theo đúng quy định.
- Cam kết thu gom, quản lý chất thải nguy hại theo quy định hiện hành.

2. Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện trong giai đoạn hoạt động của dự án

Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên cam kết thực hiện đúng, đầy đủ theo chương trình quản lý môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động đã đề xuất.

- Cam kết và chịu trách nhiệm thực hiện quản lý chất lượng môi trường theo quy định.

- Thu gom xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.
- Thu gom, chuyển giao chất thải đem đi xử lý đúng quy định.
- Thực hiện chương trình phòng chống sự cố môi trường và sự cố cháy nổ.
- Cam kết tuân thủ các TCVN, QCVN về môi trường hiện hành.



PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh;
- Giấy chấp nhận địa điểm xây dựng về PCCC;
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC;
- Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật;
- Bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc bản vẽ thiết kế thi công các công trình bảo vệ môi trường, kèm theo thuyết minh về quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải:
 - + Mặt bằng quy hoạch tổng thể đã được Sở Xây dựng phê duyệt;
 - + Bản vẽ tổng mặt bằng cấp thoát nước;
 - + Bản vẽ mặt bằng thoát nước khu vực bán hàng;
 - + Bản vẽ chi tiết hố ga HG1, rãnh gom dầu;
 - + Bản vẽ bể lắng gạn dầu;
 - + Bản vẽ sơ đồ công nghệ;
 - + Bản vẽ mặt bằng công nghệ;
 - + Bản vẽ mặt cắt công nghệ khu bể;
 - + Bản vẽ bể thép 25m³;
- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường, thu gom xử lý chất thải nguy hại ít nhất là 05 đợt khảo sát (năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021);

